

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án Đường phía Tây tỉnh Bình Định (ĐT.638), đoạn Km130+00-Km137+580**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính về việc Quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng đối với các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT. 638), đoạn Km130+00-Km137+580 ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 292/TTr-STC ngày 25/5/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT. 638), đoạn Km130+00-Km137+580, với số tiền **428.646.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng); có Phụ lục chi tiết kèm theo.

Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn 2% kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT. 638), đoạn Km130+00-Km137+580.

**Điều 2.** Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh có trách nhiệm sử dụng kinh phí nêu trên đúng mục đích và thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2103/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K14, K16.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*DVT: đồng*

STT	Nội dung chi	Tổng số	Điều chỉnh (+, -)		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó:								Ghi chú
			Tăng	Giảm		Quyết định số 2818/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 2906/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 4619/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 4620/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 29/03/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh	
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>428.646.000</b>	<b>15.269.000</b>	<b>-15.269.000</b>	<b>428.646.000</b>	<b>14.347.000</b>	<b>48.729.000</b>	<b>9.526.000</b>	<b>26.823.000</b>	<b>3.577.000</b>	<b>40.702.000</b>	<b>82.161.000</b>	<b>202.781.000</b>	
1	Chi phí kiểm kê, đánh giá giá trị tài sản bị thiệt hại	80.095.000			80.095.000		20.100.000		22.378.000	3.220.000	11.711.000	1.161.000	21.525.000	
2	Chi phí lập, phê duyệt liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và công khai phương án bồi thường	71.800.000		-4.992.000	66.808.000	9.360.000	10.000.000	6.240.000				6.618.000	34.590.000	
3	Chi phí thẩm định phương án bồi thường và thẩm định dự toán, quyết toán chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB	42.871.000			42.871.000	1.434.000	4.872.000	952.000	2.692.000	357.000	4.070.000	8.216.000	20.278.000	
3.1	<i>Chi phí thẩm định phương án tổng thể, phương án chi tiết</i>	<i>30.010.000</i>			<i>30.010.000</i>	<i>1.004.000</i>	<i>3.411.000</i>	<i>666.000</i>	<i>1.884.000</i>	<i>250.000</i>	<i>2.849.000</i>	<i>5.751.000</i>	<i>14.195.000</i>	
3.2	<i>Chi phí thẩm định dự toán, quyết toán chi phí P/V công tác GPMB</i>	<i>12.861.000</i>			<i>12.861.000</i>	<i>430.000</i>	<i>1.461.000</i>	<i>286.000</i>	<i>808.000</i>	<i>107.000</i>	<i>1.221.000</i>	<i>2.465.000</i>	<i>6.083.000</i>	
4	Chi phục vụ kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường	14.600.000		-9.595.000	5.005.000		2.105.000		900.000			2.000.000		
5	Chi in ấn, phô tô tài liệu văn phòng phẩm và xăng xe	15.862.000	15.269.000		31.131.000	2.053.000	10.652.000	2.334.000	453.000		1.170.000	8.089.000	6.380.000	
6	Chi thuê nhân công lao động phục vụ công tác GPMB, hỗ trợ và tái định cư	182.918.000		-682.000	182.236.000						22.751.000	45.477.000	114.008.000	
7	Chi phí khác	20.500.000			20.500.000	1.500.000	1.000.000		400.000		1.000.000	10.600.000	6.000.000	
7.1	<i>Chi phụ cấp kiêm nhiệm</i>	<i>3.600.000</i>			<i>3.600.000</i>							<i>3.600.000</i>		
7.2	<i>Chi khác liên quan đến công tác GPMB (nước uống, cọc tre, sơn, thuốc, cước phí bưu chính, công cụ dụng cụ, ngoài giờ công tác quyết toán dự án, các cuộc họp khác, đăng báo,...)</i>	<i>16.900.000</i>			<i>16.900.000</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.000.000</i>		<i>400.000</i>		<i>1.000.000</i>	<i>7.000.000</i>	<i>6.000.000</i>	

Ghi chú:

- Khi thanh toán tiền bồi dưỡng đi hiện trường phải có bảng chấm công.
- Khi thuê mướn phải có hợp đồng cụ thể
- Khi thanh toán các khoản chi phí khác phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Thành viên Tổ công tác đã được thanh toán công tác phí tại dự toán này không tiếp tục thanh toán tại cơ quan, đơn vị đang công tác.